

**THÔNG BÁO**

Về việc học phí các bậc đào tạo năm học 2024-2025

**I. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG**

Các từ viết tắt dùng trong văn bản này:

Viết tắt	Giải thích	Viết tắt	Giải thích
CQ	Chương trình tiêu chuẩn (chương trình đại trà)	THPT	Trung học phổ thông
CTTA	Chương trình dạy và học bằng tiếng Anh (chương trình chất lượng cao)	NCS	Nghiên cứu sinh
CTTT	Chương trình tiên tiến	HK	Học kỳ
CTQT	Chương trình chuyển tiếp quốc tế	TC	Tín chỉ
LKQT	Chương trình liên kết quốc tế	ĐVHT	Đơn vị học trình
CTNB	Chương trình chuyển tiếp Nhật Bản (chương trình tăng cường tiếng Nhật)	GDTC	Giáo dục thể chất
CTHNB	Chương trình định hướng Nhật Bản (chương trình chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật)	VLVH	Vừa làm vừa học
PFIEV	Chương trình Kỹ sư Chất lượng cao Việt-Pháp	ĐTTXa	Đào tạo từ xa

**Quy định chung mức thu học phí:**

- Từ khoá 2019 bậc đại học, cao học chính quy và từ khoá 2021 bậc đại học VLVH/ĐTTXa, học phí được thu theo trọn gói một HK. Các học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính vào học phí HK 2 ngay trước đó.
- Từ khóa 2020 trở về sau, học phí các học phần GDTC được tính theo đơn giá của Trung tâm Giáo dục Thể chất - ĐHQG-HCM (TTGDTC). Trong trường hợp chưa có đơn giá của TTGDTC, học phí theo bảng Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học, cao học.
- Các lớp mở theo yêu cầu riêng của sinh viên (lớp có sĩ số nhỏ, giờ giấc linh hoạt, lớp trong học kỳ hè...), gọi là lớp (diện) dự thính, học phí được tính theo nguyên tắc bù đắp chi phí nhưng không vượt quá hai lần học phí của khoá tuyển sinh mới nhất.
- Học phí của các sinh viên chuyển khoá học đến khoá sau được tính theo nguyên tắc của khoá sau.

- Học phí của các sinh viên CQ/VLVH/ĐTTXa, học viên cao học CQ, học sinh với các chương trình CTTA/CTTT/CTNB/CTHNB được tính theo các chương trình CTTA/CTTT/CTNB/CTHNB tương ứng.
- Học phí của các sinh viên quá thời gian đào tạo theo kế hoạch được tính theo nguyên tắc bù đắp chi phí.
- Học phí của các lớp mở theo nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp được tính theo chi phí đào tạo đơn vị (unit cost) trong đề án định mức Kinh tế - Kỹ thuật về giá dịch vụ đào tạo của Trường đại học Bách Khoa.
- Học phí các học phần kỹ sư tính theo đơn giá học phí kỹ sư.
- Học phí các học phần liên thông Cử nhân - Thạc sĩ, các học phần bậc Thạc sĩ, Cao học tính theo tín chỉ với đơn giá tín chỉ bậc cao học của khoá tuyển sinh mới nhất.
- Việc thanh toán học phí thực hiện thông qua cổng thanh toán BKPay của Trường.
- Đối với cách thu học phí trọn gói theo học kỳ:
  - o Số tín chỉ định mức để tính học phí trọn gói cho một học kỳ:

Đại học	Đại học VLVH, ĐTTXa	Cao học CTTA từ khóa 2020 về trước	Cao học CTTA từ khóa 2021	Cao học từ khóa 2020 về trước	Cao học từ khóa 2021
18	15	16	15	12	15

- o Tín chỉ đăng ký vượt định mức được tính theo đơn giá vượt định mức.
- o Mức giảm học phí (trên học phí trọn gói) cho sinh viên, học viên cao học đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức theo bảng sau:

Mức giảm	Số TC đăng ký / HK		
	Đại học	Cao học từ khóa 2020 về trước	Cao học từ khóa 2021
25%	<=12	7 - 9	9 - 12
50%		4 - 6	5 - 8
75%		0 - 3	0 - 4

Ghi chú: đối với Cao học CTTA khóa 2020 trở về trước theo quy định tại mục III.1

- Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học, cao học:

STT	Tên học phần	Số TC/ ĐVHT	Số TC/ ĐVHT tính học phí	Đơn giá/Ghi chú
<b>Các học phần đặc thù của bậc cao học</b>				
Ghi chú: đối với Cao học CTTA, theo quy định tại mục III				
1.	Đề cương luận văn thạc sĩ	0	1	
2.	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lại luận văn	0	4	
<b>Các học phần đặc thù của bậc đại học</b>				
3.	Đề cương luận văn	0	2	
4.	GDTC Học phần 1, Học phần 2	0		* Đơn giá : 628.000 đ/học phần + Các khoá tính học phí trọn gói theo HK, học phí trong các HK chính đã bao gồm học phí các học phần GDTC học lần đầu. * Đơn giá các lớp dự tính: 940.000 đ/học phần
<b>Các học phần đặc thù của chương trình PFIEV (Từ Khoá 2018 trở về trước)</b>				
5.	Học phần tiếng Pháp 6, 7, 8	0	3	
6.	Các học phần có mã học phần CQ: Tính ĐVHT bằng số TC của học phần CQ, đơn giá học phí theo đơn giá CQ.			
7.	Thực tập tốt nghiệp	0	4	

9.	Kỹ năng mềm	0	5.550.000 VNĐ/ lần học lại
10.	Kỹ năng xã hội	0	3.700.000 VNĐ/ lần học lại
11.	Văn hóa Nhật	0	1.690.000 VNĐ/ lần học lại
12.	Các học phần tiếng Nhật	10.000.000 VNĐ/ lần học lại - Kể từ lần học thứ 9 đối với CTHNB - Kể từ lần học thứ 7 đối với CTNB	

## II. SAU ĐẠI HỌC

### 1. Học phí của nghiên cứu sinh Khóa 2019 về trước

- Học phí của nghiên cứu sinh: 16.950.000 VNĐ/HK.

### 2. Học phí của khóa 2020

- Học phí học kỳ của học viên cao học:

- Ngành Quản trị kinh doanh: 8.850.000 VNĐ/HK
- Các ngành còn lại: 10.650.000 VNĐ/HK

- Học phí học kỳ của NCS ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.

- Học phí học kỳ của NCS các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

### 3. Học phí của khóa 2021 về sau

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 17.500.000 VNĐ/HK.

- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.390.000 VNĐ/ TC

- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ: 28.500.000 VNĐ/HK.

### 4. Các trường hợp khác

- Học phí của học viên bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyển đổi: 1.500.000 VNĐ/TC.

- Học phí đối với các lớp cao học mở tại địa phương, học phí đối với các lớp mở trong học kỳ hè: 1.500.000 VNĐ/TC.

- Học phí chương trình liên thông Cử nhân - Thạc sĩ: 1.150.000 VNĐ/TC.

- Dự kiến học phí cao học toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2024-2025	2025-2026	2026-2027
Khóa 2023	35.000.000	36.000.000	
Khóa 2024		36.000.000	37.500.000

## III. CAO HỌC CTTA

### 1. Khoá 2020 trở về trước

- Học phí: 40.000.000 VNĐ/HK
  - Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.700.000 VNĐ/TC.
  - Nhà trường xem xét giảm:
    - 20% học phí của học kỳ cho các học viên cao học học ít hơn hoặc bằng 12 TC/HK.
    - 30% học phí của học kỳ cho các học viên cao học ít hơn hoặc bằng 10 TC/HK.
    - 60% học phí của học kỳ cho các học viên cao học ít hơn hoặc bằng 6 TC/HK.
    - 80% học phí của học kỳ cho các học viên cao học ít hơn hoặc bằng 3 TC/HK.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.700.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.700.000

### 2. Từ Khoá 2021:

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 40.000.000 VNĐ/HK
  - Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.500.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

1	Học phí học phần (học lại)	2.500.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.500.000

#### IV. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

##### 1. Chính quy chương trình tiêu chuẩn (gồm cả bằng 2, liên thông cao đẳng - đại học)

Dự kiến học phí toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
Khoá 2021	27.500.000			
Khoá 2022	29.000.000	30.000.000		
Khoá 2023	29.000.000	30.000.000	31.500.000	
Khoá 2024	29.000.000	30.000.000	31.500.000	33.000.000

##### a. Khoá 2022 về sau: Học phí trọn gói theo học kỳ

- Học phí học kỳ chính: 14.500.00 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 859.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính theo nguyên tắc bù chi phí được tính như sau:

Sĩ số	Lớp trực tuyến, trực tiếp tại Cơ sở Dĩ An	Lớp trực tiếp tại Cơ sở Lý Thường Kiệt	Các học phần Thi nghiệm, Thực hành, Thực tập xưởng
≥ 20	1.030.000 VNĐ/TC	1.288.000 VNĐ/TC	1.030.000 VNĐ/TC
≥ 10	1.288.000 VNĐ/TC	1.545.000 VNĐ/TC	1.288.000 VNĐ/TC
≥ 5	1.545.000 VNĐ/TC	1.630.000 VNĐ/TC	1.545.000 VNĐ/TC
< 5	Không mở lớp		
	Các môn học đồ án, đề cương luận văn, Luận văn tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp... (hướng dẫn sinh viên tự thực hiện): 1.030.000 VNĐ/TC		

##### b. Khóa 2021: Học phí trọn gói theo học phí

- Học phí học kỳ chính: 13.750.00 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 813.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như học phí các lớp dự thính ở mục IV.1.a.

##### c. Khoá 2020 (ngoại trừ Bảng 2, PFIEV, song ngành Tàu thủy - Hàng không), Khoá 2019 PFIEV và Khoá 2019 Song ngành Tàu thủy - Hàng không (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):

- Học kỳ 1 năm học 2024-2025: 7.250.000 VNĐ/HK.
- Học kỳ 2 năm học 2024-2025: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức và đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như các mức học phí tương ứng ở mục IV.1.a.

##### d. Khoá 2020 PFIEV và Khoá 2020 Song ngành Tàu thủy - Hàng không:

- Học phí học kỳ chính: 7.250.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 428.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như các mức học phí tương ứng ở mục IV.1.a.

##### e. Khoá 2019, Bảng 2 khoá 2021, Liên thông Cao đẳng - Đại học Khóa 2021 (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):

**thông Cao đẳng – Đại học Khóa 2020 về trước** (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính (bao gồm cả các môn thực tập ngoài trường mở trong học kỳ hè): tính như đơn giá tín chỉ vượt định mức ở mục IV.1.a.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như học phí các lớp dự thính ở mục IV.1.a.

**g. Khóa 2018 về trước của PFIEV** (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):

- Đơn giá học phí: 520.000 VNĐ/ĐVHT.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như học phí các lớp dự thính ở mục IV.1.a.

**h. Chương trình Kỹ sư**

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính: tính như đơn giá tín chỉ vượt định mức ở mục IV.1.a.
- Đơn giá học phí các lớp dự thính: tính như học phí các lớp dự thính ở mục IV.1.a.

**2. Chương trình CTTA, CTTT, CTQT, LKQT, CTNB, CTHNB**

- Học phí các lớp Pre: 28.600.000 VNĐ/ học kỳ
- Học phí các lớp chính khóa:

Dự kiến học phí toàn khóa  
ĐVT: VNĐ/ năm

Chương trình	Năm học Khóa	khóa			
		2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028
CTTA/ CTTT/ LKQT/ CTQT	Khóa 2021	72.000.000			
	Khóa 2022	80.000.000	80.000.000		
	Khóa 2023	80.000.000	80.000.000	80.000.000	
	Khóa 2024	80.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
CTNB/ CTHNB	Khóa 2021	55.000.000			
	Khóa 2022	60.000.000	60.000.000		
	Khóa 2023	60.000.000	60.000.000	60.000.000	
	Khóa 2024	60.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000

**a. Khóa 2022 về sau: Học phí trọn gói theo học kỳ**

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	40.000.000	2.485.000
CTNB/CTHNB	30.000.000	1.145.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính tại **mục f.**

**b. Khóa 2021 về sau: Học phí trọn gói theo học kỳ**

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	36.000.000	2.220.000
CTNB/CTHNB	27.500.000	980.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính tại **mục f.**

**c. Khóa 2020 học đúng lộ trình (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)**

- Học kỳ 1 năm học 2024-2025:

		(VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	30.000.000	1.850.000
CTNB/CTHNB	25.000.000	845.000

- Học kỳ 2 năm học 2024-2025.

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	40.000.000	2.485.000
CTNB/CTHNB	30.000.000	1.145.000

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính tại **mục f**.

**d. Khóa 2019 (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch): Học phí trọn gói theo học kỳ**

- Học phí trọn gói: 40.000.000 VNĐ/ HK
- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính tại **mục f**.

**e. Từ Khóa 2018 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)**

- Đơn giá học phí: 2.485.000 VNĐ/TC
- Cách tính các học phần đặc thù:

Nhóm	Số TC	Số TCHP
Các học phần Chính trị; Pháp luật	a	0.2 * a
Nhập môn kỹ thuật (CTTT); Đề cương/ Chuyên đề LVTN	0	2

- Học phí các lớp dự thính: theo đơn giá dự thính tại **mục f**.

**f. Đơn giá tín chỉ học dự thính:**

Chương trình	Đơn giá tín chỉ học dự thính (VNĐ/ TC)
CTTA/CTTT/LKQT/CTQT	2.980.000
CTNB/CTHNB	1.370.000

**g. Học phí sinh viên nước ngoài tính tương tự như sinh viên Việt Nam.**

**V. VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA**

**1. Dự kiến học phí toàn khoá**

- Dự kiến học phí VLVH toàn khoá:

Khoá	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029
2020	628.000 VNĐ/TC				
2021	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm			
2022	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	37.800.000 VNĐ/Năm		
2023	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	37.800.000 VNĐ/Năm	39.600.000 VNĐ/Năm	
2024	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	37.800.000 VNĐ/Năm	39.600.000 VNĐ/Năm	41.500.000 VNĐ/Năm

- Dự kiến học phí ĐTTXa toàn khoá:

Khoá	2024-2025	2025-2026	2026-2027	2027-2028	2028-2029

2021	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm			
2022	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	25.200.000 VNĐ/Năm		
2023	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	25.200.000 VNĐ/Năm	26.400.000 VNĐ/Năm	
2024	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	25.200.000 VNĐ/Năm	26.400.000 VNĐ/Năm	27.700.000 VNĐ/Năm

Trong các học kỳ chính:

- Đối với các khoá tính học phí trọn gói, các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức. Các tín chỉ vượt định mức được tính cùng một đơn giá.
- Đối với các khoá tính học phí theo tín chỉ, các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính cùng một đơn giá.

## 2. Cụ thể:

### a. VLVH từ Khoá 2021 (tuyển sinh VLVH từ tháng 5/2021):

- Học phí học kỳ chính: 18.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.340.000 VNĐ/TC.
  - Các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức.
  - Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính gộp vào học kỳ 2 trước đó.

- Học phí học kỳ dự thính hè: Đơn giá học phí tính theo tín chỉ như sau:

Sĩ số	Lớp trực tuyến, trực tiếp tại Cơ sở Dĩ An	Lớp trực tiếp tại Cơ sở Lý Thường Kiệt	Các học phần Thí nghiệm, Thực hành, Thực tập xưởng
≥ 20	1.340.000 VNĐ/TC	1.600.000 VNĐ/TC	1.340.000 VNĐ/TC
≥ 10	1.600.000 VNĐ/TC	2.010.000 VNĐ/TC	1.600.000 VNĐ/TC
≥ 5	2.010.000 VNĐ/TC	2.540.000 VNĐ/TC	2.010.000 VNĐ/TC
< 5	Không mở lớp		
	Các môn học đồ án, đề cương luận văn, Luận văn tốt nghiệp/Đồ án tốt nghiệp... (hướng dẫn sinh viên tự thực hiện): 1.340.000 VNĐ/TC		

### b. ĐTTXa từ khóa 2021 (Tuyển sinh ĐTTXa từ tháng 05/2021)

- Học phí học kỳ: 12.000.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 880.000 VNĐ/TC.
- Các học phần học tập trung: tính theo nguyên tắc của VLVH cùng khóa.

### c. Khóa 2020 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT (Còn trong thời gian đào tạo theo kế hoạch, sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn)

Tính cho tất cả các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên.

- Đơn giá học phí trong các học kỳ chính (bao gồm học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong hè): 628.000 VNĐ/TC.
- Học phí học kỳ dự thính hè: tính như học phí các lớp dự thính hè ở mục V.2.a.

### d. Khóa 2019 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT (Vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch, sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn)



- Học kỳ I năm học 2024-2025: 626.000 VND/TC.
- Từ học kỳ 2 năm học 2024 - 2025: 1.340.000 VND/TC.
- Học phí học kỳ dự thính hè: tính như học phí các lớp dự thính hè ở mục V.2.a.

**e. Khoá 2020 về trước tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học, các Khoá 2018 về trước tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT (Đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch, sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn)**

Tính cho tất cả các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học theo tất cả hình thức đào tạo, giảng dạy bằng tiếng Việt, trong cùng học kỳ của một sinh viên



▶ Cơ sở Lý Thường Kiệt: 268 Lý Thường Kiệt, Phường 14, Quận 10, TP. HCM ([Bản đồ](#))

▶ Cơ sở Dĩ An: Khu phố Tân Lập, Phường Đông Hòa, TP. Dĩ An, Tỉnh Bình Dương ([Bản đồ](#))

Thông tin liên hệ và hỗ trợ

Sinh viên

▶ MyBK

Quý khách

▶ Email

▶ Biểu mẫu thông tin liên hệ

LIÊN KẾT MẠNG XÃ HỘI



Bản quyền thuộc Trường Đại học Bách khoa - ĐHQG-HCM

LƯỢT TRUY CẬP 47,460,504

